





**CTCP CHỨNG KHOÁN  
CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18./2026/CV-APS

Hà Nội, ngày 30... tháng 03 năm 2026

**Kính gửi:** - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;  
- Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương
  - Mã chứng khoán: APS
  - Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại liên hệ: 1900 999986
- Nội dung Công bố Thông tin:
  - Báo cáo tài chính năm 2025 Kiểm toán
  - Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính 31.12.2025 Kiểm toán

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30./03/2026 tại đường dẫn [www.apec.com.vn](http://www.apec.com.vn)

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC
- CV giải trình



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đức Quân*

Số: 19./2026/CV-APS

Hà Nội, ngày 30... tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;  
- Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương
  - Mã chứng khoán: APS
  - Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, TP Hà Nội.
  - Điện thoại liên hệ: 1900 999986
- Nội dung giải trình:
  - Chênh lệch LNST từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
  - LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này;
  - Chênh lệch trước và sau Kiểm toán từ 5% trở lên.

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ chênh lệch (%)
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	155,175,440,165	210,937,890,625	-26%
1.2 Doanh thu khác (Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, hoạt động tư vấn tài chính)	26,771,633,405	28,249,456,441	-5%
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>181,947,073,570</b>	<b>239,187,347,066</b>	<b>-24%</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
2.1 Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	193,942,154,624	217,927,204,323	-11%
2.2 Chi phí hoạt động khác (Chi phí dự phòng tài sản tài chính, Chi phí môi giới chứng khoán, Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán...)	8,061,560,690	8,785,196,272	-8%
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>202,003,715,314</b>	<b>226,712,400,595</b>	<b>-11%</b>
<b>III. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>19,670,286,883</b>	<b>(8,023,798,423)</b>	<b>345%</b>
<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(39,188,431,417)</b>	<b>21,015,151,278</b>	<b>-286%</b>
<b>V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>(39,726,928,627)</b>	<b>20,498,744,895</b>	<b>-294%</b>
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện	610,388,694	33,401,858,895	-98%
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	(40,337,317,321)	(12,903,114,000)	-213%
<b>VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>(31,659,465,163)</b>	<b>21,782,841,516</b>	<b>-245%</b>

Bảng 1: Chênh lệch LNST từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước

CHỈ TIÊU		Sau Kiểm toán	Trước Kiểm toán	Tỷ lệ chênh lệch (%)
<b>I.</b>	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	155,175,440,165	155,175,440,165	0%
1.2	Doanh thu khác (Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, hoạt động tư vấn tài chính)	26,771,633,405	26,771,633,405	0%
	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>181,947,073,570</b>	<b>181,947,073,570</b>	<b>0%</b>
<b>II.</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
2.1	Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	193,942,154,624	191,378,634,488	1%
2.2	Chi phí hoạt động khác (Chi phí dự phòng tài sản tài chính, Chi phí môi giới chứng khoán, Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán...)	8,061,560,690	8,184,032,908	-1%
	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>202,003,715,314</b>	<b>199,562,667,396</b>	<b>1%</b>
<b>III.</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>19,670,286,883</b>	<b>19,354,999,535</b>	<b>2%</b>
<b>IV.</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(39,188,431,417)</b>	<b>(36,432,096,151)</b>	<b>8%</b>
<b>V.</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>(39,726,928,627)</b>	<b>(36,970,593,361)</b>	<b>7%</b>
5.1	Lợi nhuận đã thực hiện	610,388,694	803,203,824	-24%
5.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	(40,337,317,321)	(37,773,797,185)	-7%
<b>VI.</b>	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>(31,659,465,163)</b>	<b>(29,608,686,180)</b>	<b>7%</b>

Bảng 2: Chênh lệch LNST từ 5% trở lên sau Kiểm toán

- Nội dung giải trình số 1: “ Chênh lệch LNST từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước” và nội dung giải trình số 2 :”LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này”.

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt – 31.65 tỷ đồng giảm 245% so với năm 2024, nguyên nhân chủ yếu do thị trường tài chính trong năm 2025 nhiều biến động, các tài sản tài chính (TSTC) bị đánh giá lại giá trị, dẫn đến lãi từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/ lỗ đạt 155.1 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ năm ngoái, tổng doanh thu hoạt động ghi nhận 181.9 tỷ đồng, giảm 24% so với năm 2024. Về chi phí, tổng chi phí hoạt động năm 2025 là 202 tỷ đồng, giảm 11% so với năm 2024, chi phí Quản lý doanh nghiệp đạt 19.6 tỷ đồng, tăng 345%. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2024 Công ty đã hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu đã trích lập dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp giảm.

- Nội dung giải trình số 3: Chênh lệch trước và sau Kiểm toán từ 5% trở lên.

Sau Kiểm toán, Công ty thực hiện hạch toán bổ sung khoản đánh giá giảm các mã chứng khoán OTC mà Công ty đang nắm giữ dẫn đến Chi phí hoạt động tăng thêm 1%, đồng thời điều chỉnh một số khoản





+ The net profit after tax in the reporting period shows a loss, reversing from a profit in the same period of the previous year to a loss in this period, or vice versa:

Yes No

The explanation letter in cases of inclusion is as follows:

Yes No

This information has been published on the company's website on March, 30<sup>th</sup>... 2026 at the link [www.apec.com.vn](http://www.apec.com.vn)

3. Report on transactions with a value of 35% or more of total assets in 2025. In the event that the parent company has such transactions, please report all of the following details:

- Transaction content: No incurrence
- Proportion of transaction value/total asset value of the company (%) (based on the most recent financial statements): No incurrence
- Transaction completion date: No incurrence

We hereby commit that the information disclosed above is true and accurate, and we fully take responsibility before the law for the content of the disclosed information..

**Attached documents:**

- Financial report
- Explanation letter

**Representative of the organization** 

*Legal representative/Authorized person for information disclosure*

*(Signature, full name, title, company seal)*



**Nguyen Duc Quan**



No: 18./2026/CV-APS

Ha Noi, March, 30<sup>th</sup> 2026

To: - Vietnam Stock Exchange;  
- Hanoi Stock Exchange;  
- Ho Chi Minh Stock Exchange;  
- State Securities Commission of Vietnam.

1. Name of the organization: Asia Pacific Securities Joint Stock Company
  - Stock code: APS
  - Address: 3rd floor, Grand Plaza building, 117 Tran Duy Hung, Yen Hoa Ward, Hanoi City.
  - Tel: 1900 999986
2. Information Disclosure Content:
  - Audited Financial Statements for 2025
  - Audited Financial Safety Ratio Report as at 31 December 2025

This information has been published on the company's website on March, 30<sup>th</sup> 2026 at the link [www.apec.com.vn](http://www.apec.com.vn).

*Attached documents:*

- Financial report
- Explanation letter

ASIA PACIFIC SECURITIES JOINT STOCK COMPANY *lv*



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Đức Quân*

ITEM		Post-Audit	Pre-Audit	Deviation rate (%)
I.	<b>OPERATING REVENUE</b>			
1.1	Profit from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	155,175,440,165	155,175,440,165	0%
1.2	Other revenue (including interest income from held-to-maturity investments, interest from loans and receivables, revenue from securities brokerage, securities depository services, and financial advisory activities)	26,771,633,405	26,771,633,405	0%
	<b>Total operating revenue</b>	<b>181,947,073,570</b>	<b>181,947,073,570</b>	<b>0%</b>
II.	<b>OPERATING EXPENSES</b>			
2.1	Loss from financial assets recognized through profit/ loss (FVTPL)	193,942,154,624	191,378,634,488	1%
2.2	Other operating expenses (including provision expenses for financial assets, securities brokerage expenses, securities depository service expenses, etc.)	8,061,560,690	8,184,032,908	-1%
	<b>Total operating expenses</b>	<b>202,003,715,314</b>	<b>199,562,667,396</b>	<b>1%</b>
III.	<b>GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSE</b>	<b>19,670,286,883</b>	<b>19,354,999,535</b>	<b>2%</b>
IV.	<b>OPERATING RESULT</b>	<b>(39,188,431,417)</b>	<b>-36,432,096,151</b>	<b>8%</b>
V.	<b>ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX</b>	<b>(39,726,928,627)</b>	<b>-36,970,593,361</b>	<b>7%</b>
5.1	Realized Profit	610,388,694	803,203,824	-24%
5.2	Unrealized Profit	(40,337,317,321)	-37,773,797,185	-7%
VI.	<b>ACCOUNTING PROFIT AFTER TAX</b>	<b>(31,659,465,163)</b>	<b>-29,608,686,180</b>	<b>7%</b>

Table 2: Profit After Tax (PAT) variance of 5% or more after the audit

- **Explanation No. 1:** “The difference in profit after tax (PAT) is 10% or more compared to the same period of the previous year” and Explanation No. 2: “The profit after tax in the reporting period is a loss, shifting from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period.”

Profit after tax in 2025 reached – VND 31.65 billion, representing a 245% decrease compared to 2024. The main reason is that the financial market in 2025 experienced significant volatility. Financial assets were revalued, resulting in gains from financial assets recognized through profit or loss of VND 155.1 billion, down 26% year-on-year. Total operating revenue was VND 181.9 billion, decreasing by 24% compared to 2024.

In terms of expenses, total operating expenses in 2025 were VND 202 billion, down 11% compared to 2024. Administrative expenses reached VND 19.6 billion, increasing by 345%. The primary reason is that in 2024, the Company reversed provisions for receivables previously recognized, which reduced administrative expenses in that year.

- **Explanation No. 3:** “The variance between pre-audit and post-audit figures is 5% or more.”

After the audit, the Company recorded additional impairment losses on OTC securities held, leading to a 1% increase in operating expenses. At the same time, adjustments to certain office-related expenses caused administrative expenses to increase by 2% compared to pre-audit figures. All of these factors resulted in a 7% variance in total profit after tax between pre-audit and post-audit figures.

This information has been published on the company's website on March...<sup>30<sup>th</sup></sup> 2026 at the link [www.apec.com.vn](http://www.apec.com.vn).

*Attached documents:*

- Financial report
- Explanation letter

ASIA PACIFIC SECURITIES JOINT STOCK COMPANY



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Đức Quân*



No: 19.../2026/CV-APS

Ha Noi, January, 20<sup>th</sup> 2026

To: - Vietnam Stock Exchange;  
- Hanoi Stock Exchange;  
- Ho Chi Minh Stock Exchange;  
- State Securities Commission of Vietnam.

1. Name of the organization: Asia Pacific Securities Joint Stock Company
  - Stock code: APS
  - Address: 3rd floor, Grand Plaza building, 117 Tran Duy Hung, Yen Hoa Ward, Hanoi City.
  - Tel: 1900 9999 86
2. Explanation content:
  - The difference in profit after tax (PAT) is 10% or more compared to the same period of the previous year;
  - The profit after tax in the reporting period is a loss, shifting from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period;
  - The variance between pre-audit and post-audit figures is 5% or more.

Unit: VND

ITEM		2025	2024	Deviation rate (%)
<b>I.</b>	<b>OPERATING REVENUE</b>			
1.1	Profit from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	155,175,440,165	210,937,890,625	-26%
1.2	Other revenue (including interest income from held-to-maturity investments, interest from loans and receivables, revenue from securities brokerage, securities depository services, and financial advisory activities)	26,771,633,405	28,249,456,441	-5%
	<b>Total operating revenue</b>	<b>181,947,073,570</b>	<b>239,187,347,066</b>	<b>-24%</b>
<b>II.</b>	<b>OPERATING EXPENSES</b>			
2.1	Loss from financial assets recognized through profit/ loss (FVTPL)	193,942,154,624	217,927,204,323	-11%
2.2	Other operating expenses (including provision expenses for financial assets, securities brokerage expenses, securities depository service expenses, etc.)	8,061,560,690	8,785,196,272	-8%
	<b>Total operating expenses</b>	<b>202,003,715,314</b>	<b>226,712,400,595</b>	<b>-11%</b>
<b>III.</b>	<b>GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSE</b>	<b>19,670,286,883</b>	<b>-8,023,798,423</b>	<b>345%</b>
<b>IV.</b>	<b>OPERATING RESULT</b>	<b>(39,188,431,417)</b>	<b>21,015,151,278</b>	<b>-286%</b>
<b>V.</b>	<b>ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX</b>	<b>(39,726,928,627)</b>	<b>20,498,744,895</b>	<b>-294%</b>
5.1	Realized Profit	610,388,694	33,401,858,895	-98%
5.2	Unrealized Profit	(40,337,317,321)	-12,903,114,000	-213%
<b>VI.</b>	<b>ACCOUNTING PROFIT AFTER TAX</b>	<b>(31,659,465,163)</b>	<b>21,782,841,516</b>	<b>-245%</b>

Table 1: Profit After Tax (PAT) variance of 10% or more compared to the same period of the previous year